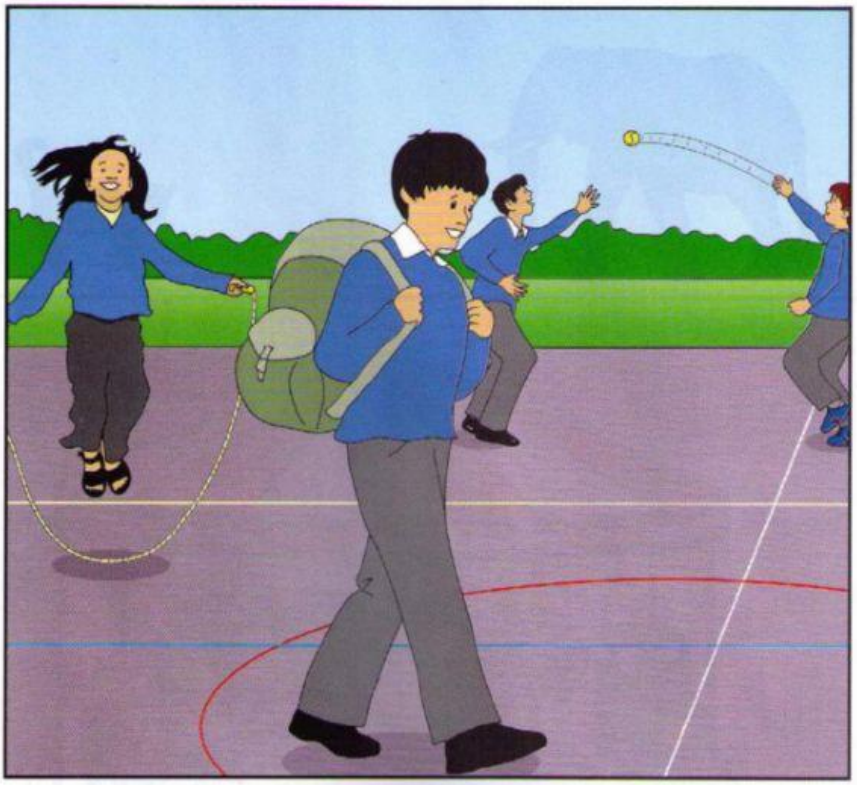
Part 2

– 5 questions –

Read the question. Listen and write a name or a number.

There are two examples.



Examples

What's the boy's name? Sam

How old is he? 10

LIVEWORKSHEETS

Questions

1 Which class is Sam in? .....

2 What's the name of Sam's teacher? Mr.....

3 Who sits next to Sam in class? .....

4 How many books are in Sam's bag? .....

5 How old is Sam's sister? .....

LIVEWORKSHEETS

Gerund (danh động từ)- Verb ing (động từ thêm "ing")

1. Động từ kết thúc bằng 1 chữ "e"-> bỏ "e", thêm "ing"

Dance -> dancing ride-> riding

2. ĐT kết thúc "ie"-> bỏ "ie", thêm "y-ing"

Lie-> lying

3. ĐT kết thúc "Phụ âm + ueoai + phụ âm (trừ h,x,w, y)"-> gấp đôi phụ âm cuối, thêm "ing"

Win-> winning run-> running

Nhưng: play-> playing (do có đuôi y)

Bài tập chuyển các động từ sau sang V-ing

1	Use (sử dụng)	using
2	Pose (tạo dáng)	
3	Improve (cải thiện)	
4	Change (thay đổi)	
5	Take (lấy)	
6	Drive (lái xe)	
7	See (nhìn thấy)	
8	Agree (đồng ý)	
9	Run (chạy)	
10	Stop (dừng lại)	
11	Win (chiến thắng)	
12	Put (đặt)	
13	Fix (sửa chữa)	
14	Play (chơi)	
15	Lie (nói dối)	

LIVEWORKSHEETS